

TRUNG QUỐC CÓ LÀ TÁM GƯƠNG CỦA CHÚNG TA?

1. Dẫn nhập¹

Không lâu trước đây, ngày 28 tháng Bảy 2014 Thủ tướng Hungary Viktor Orbán đã có bài phát biểu tại Tusnádfürdő (Băile Tuşnad), Rumani, với tiêu đề “Tiếp theo là Thời đại của Xã hội có cơ sở Lao động.”² Nó đã thu hút sự chú ý ở trong và ngoài nước. Tôi sẽ xem xét ở đây chỉ vài câu từ luận cứ đa dạng của nó.

“Có sự chạy đua để tìm ra phương thức tổ chức cộng đồng, loại của nhà nước, mà có khả năng nhất để làm cho một quốc gia, một cộng đồng có khả năng cạnh tranh quốc tế. Việc này có thể giải thích... vì sao đề tài nóng của sự xem xét hiện nay là để hiểu các hệ thống mà không là Tây phương, không là khai phóng (liberal), không là các nền dân chủ khai phóng, có lẽ thậm chí chẳng là các nền dân chủ, thế mà vẫn làm cho các quốc gia thành công. Ngày nay trong những phân tích quốc tế các ngôi sao là Singapore, Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, và Thổ Nhĩ Kỳ.”

Một danh sách lập dị. Các đặc trưng nào có thể là các đặc trưng trong tất cả các nước được trích dẫn mà không có ở các nước không-ngôi sao khác? Chúng ta hãy nhìn vào *Bảng 1*. Trong các thời kỳ dài, ngay cả trong và ngay sau các năm khủng hoảng, bốn trong năm nước đó đã có các tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn rất nhiều so với nhiều nước Tây phương có vẻ ngoài “suy đồi”, và cũng cao hơn Hungary. Đối với nhiều người, điều này biện minh cho việc đánh giá “ngôi sao.” Thế nhưng lờ ra khỏi hàng là nước Nga, nơi tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong 2009-13 đã không nhanh hơn tốc độ của Hoa Kỳ. Với thuộc tính khác được ngụ ý trong danh sách, thì Ấn Độ được coi như trùng tu hủ. Ngược với bốn nước khác với các hình thức cai trị độc đoán hay độc tài của họ, Ấn Độ kể từ khi giành lại độc lập đã là một nền dân chủ nghị viện, mà trong đó không lực lượng chính trị nào đã được “bê tông hóa,” ngược lại đều có thể bị phế truất; các đảng, các nhóm chính trị cạnh tranh nhau đã lập đi lập lại kế tục nhau lên nắm quyền.

¹ Viện nghiên cứu xã hội và dư luận Hungary, TÁRKI, công bố cuốn *Társadalmi riport* [Báo cáo Xã hội] được biên tập, bằng tiếng Hungary, hàng năm. Bài báo này ban đầu được viết cho cuốn của năm 2014, ra mắt vào tháng Mười Hai 2014, do Tamás Kolosi và István György Tóth biên tập, pp.603-616. Một phiên bản ngắn hơn một chút đã được tuần san *Élet és Irodalom* (Đời sống và Văn học) công bố, 29 tháng Tám 2014 (pp. 3-4). Tôi cảm ơn Brian McLean vì bản dịch tiếng Anh tuyệt vời. Ádám Kerényi đã đóng góp cho việc tập hợp các số liệu thống kê cho bài báo này. Tôi hàm ơn vì công việc chu đáo, hiệu quả và tận tụy của anh. [Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Quang A dựa vào bản gốc tiếng Hungary có tham khảo bản tiếng Anh.]

² Đoạn của bài phát biểu được trích được lấy từ phiên bản trên trang Internet của chính phủ.

<http://www.kormany.hu/hu/a-miniszterelnok/beszedekek-publikaciok-interjuk/a-munkaalapallam-korszakak-kovetkezik>

Bảng 1. Tăng trưởng ở các nước “ngôi sao” và một số nước khác trong và sau khủng hoảng – tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2009-13, (%)

Nước	Tăng trưởng bình quân hàng năm trong 2009–13, %
Ấn Độ	6,9
Trung Quốc	8,9
Nga	1,1
Singapore	5,3
Thổ Nhĩ Kỳ	3,9
Pháp	0,2
Đức	0,7
Bồ Đào Nha	-1,4
Thụy Điển	1,4
Hoa Kỳ	1,2
Hungary	-0,9

Nguồn: International Monetary Fund, World Economic Outlook Database, April 2014.

http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2014/01/weodata/weorept.aspx?sy=2009&ey=2013&scsm=1&ssd=1&sort=country&ds=%2C&br=1&prl.x=32&prl.y=3&c=924%2C182%2C922%2C576%2C132%2C134%2C144%2C944%2C534%2C186%2C111&s=NGDP_RPCH&grp=0&a. Truy cập, 12-8-2014.

Để tranh luận đầy đủ cần phân tích sự phát triển trong cả năm nước. Tuy nhiên, vì hạn chế độ dài tôi chỉ bàn về một nước duy nhất: Trung Quốc. Không nghi ngờ gì nước này cho thấy rõ ràng cả hai đặc trưng khu biệt: tăng trưởng rất nhanh và sự cai trị độc tài.

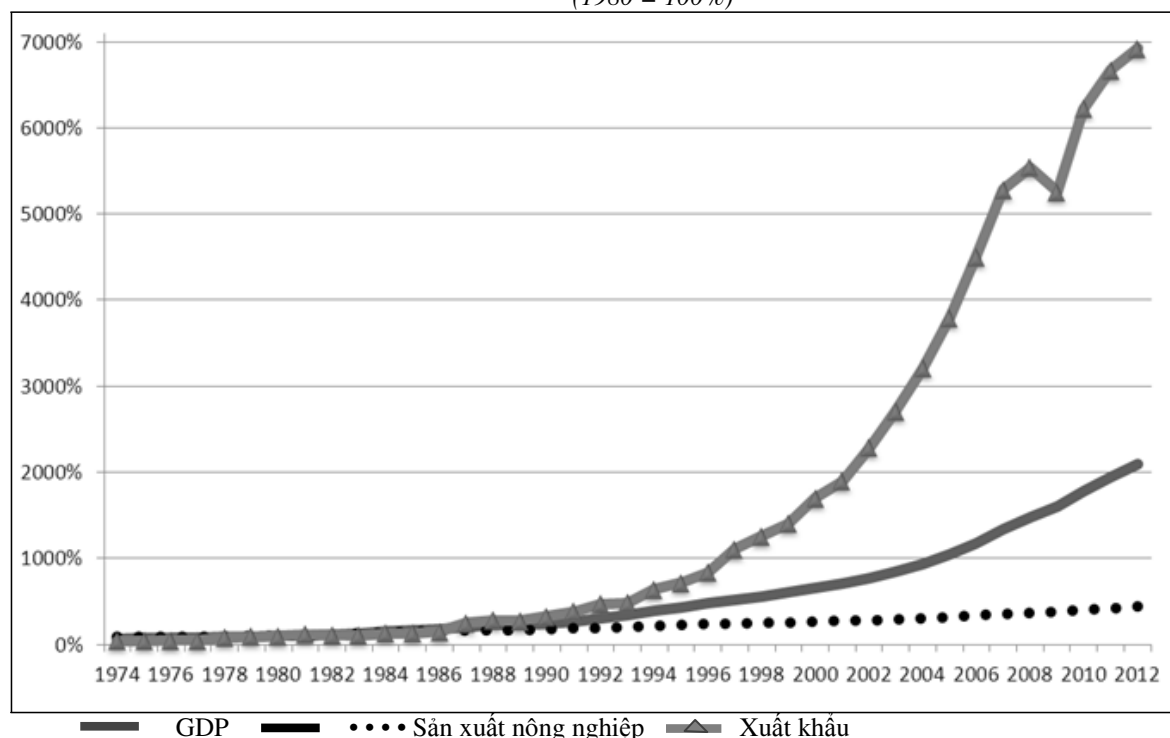
Nảy sinh ở đây vài câu hỏi:

- Cái gì giải thích tốc độ tăng trưởng nhanh của Trung Quốc?
- Hungary có thể noi gương Trung Quốc?
- Nếu có thể, có bỏ không, có tốt cho Hungary không để đi theo tấm gương Trung Quốc?

2. Con đường phát triển của Trung Quốc – giai đoạn tăng trưởng nhanh

Cái chết của Mao Trạch Đông trong năm 1976 đã chấm dứt một thời kỳ rùng rợn của lịch sử Trung Quốc, mà trong đó sự đàn áp đã là đặc biệt man rợ, ngay cả so với các nước xã hội chủ nghĩa khác. Sự nghèo khổ, nạn đói, và chính sách kinh tế phiêu lưu đã giáng xuống dân cư. Sau những năm tranh giành quyền lực quá độ, từ 1981 cải cách hệ thống đã bắt đầu với sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình. Ngay sau đó tăng trưởng sản xuất đã có tốc độ vũ bão (xem đường GDP trên *Hình 1* và *Hình 2*).

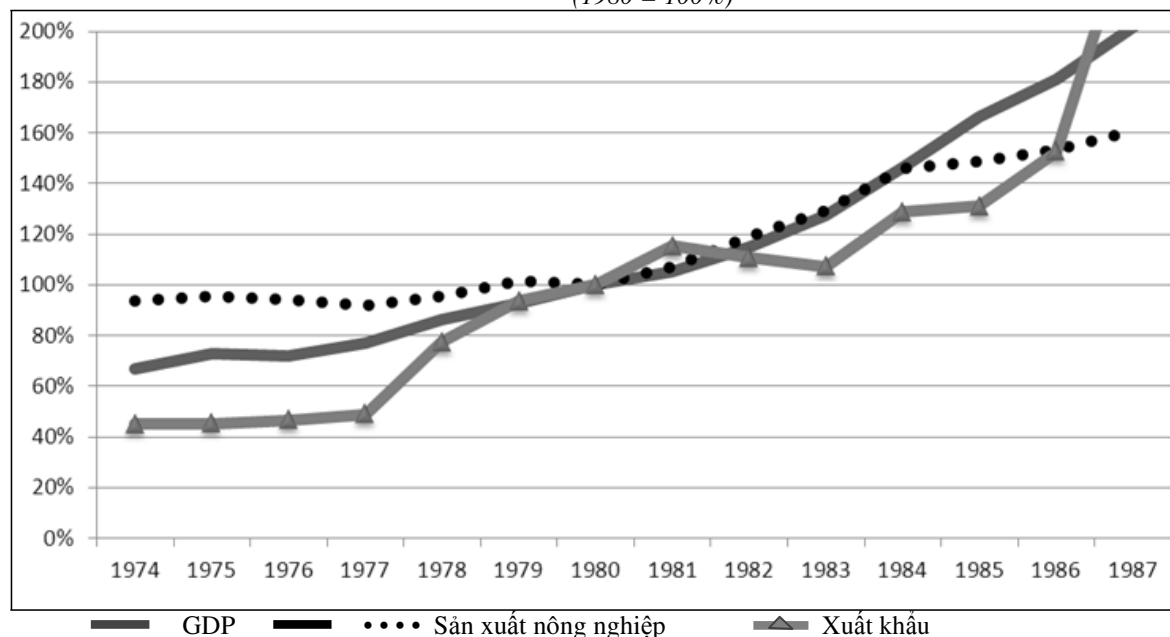
Hình 1. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc giai đoạn giữa 1974 và 2012
(1980 = 100%)



Chú thích: Mặc dù các quá trình cải cách đã bắt đầu trước 1980, các tác động của chúng bắt đầu thể hiện trong năm đó. Điều này có thể thấy rõ trên Hình 2, mà phóng đại phần trái bên dưới của hình này. Đó là vì sao chúng tôi chọn năm 1980 làm như năm cơ sở. Khu vực được giới thiệu trong đường cong dưới cùng bao phủ các tiểu ngành sản bản, lâm nghiệp và ngư nghiệp cũng như nông nghiệp theo nghĩa hẹp. Các số tuyệt đối, mà từ đó các chỉ số được tính, được đo bằng USD theo các giá cố định năm 2005.

Nguồn: UN National Accounts Main Aggregates database
<http://unstats.un.org/unsd/snaama/dn1List.asp> Truy cập 12-8-2014.

Hình 2. Buổi đầu của quá trình cải cách ở Trung Quốc trong giai đoạn 1974-1987
(1980 = 100%)



Chú thích: Hình này “phóng đại” đoạn dưới bên trái của Hình 1, cho giai đoạn 1974-1987

Nguồn : xem nguồn cho Hình 1.

“Cải cách” là tên gọi tổng hợp của nhiều quá trình.

1. Một sự biến đổi đột ngột và sâu sắc đã xảy ra trong nông nghiệp. Canh tác công xã và tập thể nhường đường cho canh tác tư nhân, mà đã giải phóng các lực lượng không lồ thúc đẩy tăng sản xuất nông nghiệp. (Xem đường cong nông nghiệp trong *hình 1* và *hình 2*.)

2. Những hạn chế trước đây lên doanh nghiệp tư nhân được dỡ bỏ. Hàng loạt hãng tư nhân mới xuất hiện trong mọi khu vực của nền kinh tế.

3. Đã xuất hiện và lan rất nhanh một loại hãng mới (được biết đến như doanh nghiệp hương trấn) mà đã dựa vào một sự kết hợp đặc thù của quyền sở hữu thị xã và tư nhân.

4. Chính sách hướng nội và xa lánh phương Tây đã nhường đường cho chính sách “mở cửa.” Kim ngạch xuất khẩu tăng vọt. (Xem các đường xong xuất khẩu trong các *hình 1* và *2*.)

5. Trung Quốc đã không chỉ cho phép, mà đã tích cực mời chào các nhà đầu tư nước ngoài. Vốn nước ngoài đã chảy mạnh mẽ vào trong nước.

6. Trung Quốc đã tìm cách học từ các nước đã phát triển. Sự khát khao tri thức đã có nhiều hình thức. Thí dụ, hàng ngàn sinh viên được gửi đi học tại các đại học Tây phương, và một tỷ lệ cao đã trở về nước sau khi tốt nghiệp.

7. Một hiện tượng đi cùng với những thay đổi được mô tả ở các điểm 5 và 6 đã là dòng chảy nhanh của công nghệ hiện đại vào Trung Quốc. Nước này đã ngày càng được tích hợp vào mạng lưới toàn cầu của các xã hội dựa trên truyền thông và thông tin hiện đại.

Phải lưu ý rằng những thay đổi 1-7 không phải mang tính “unorthodox-không chính thống.” Những cải cách này đúng là những cải cách được khuyến nghị bởi IMF và Ngân hàng Thế giới và bởi các kinh tế gia nước ngoài được ban lãnh đạo Trung Quốc tham vấn. Bây giờ chúng ta hãy quay sang các nhân tố tăng trưởng mà đã *không* thuộc về các khuyến nghị chuẩn Tây phương.

8. Trung Quốc đã giữ sự tăng lương và tăng tiêu thụ hộ gia đình giữa những giới hạn nghiêm ngặt. Mặc dù tiêu dùng đã tăng, sự tăng trưởng của nó rút lại xa sau sự tăng trưởng sản xuất. Tỷ lệ tiêu dùng của khu vực hộ gia đình trên GDP đã thấp và còn đã sụt thêm. (Xem *Bảng 2*, dòng 2.) Bất bình đẳng về phân bổ thu nhập đã tăng lên mức độ đầy kịch tính.

9. Tỷ lệ đầu tư trong sử dụng của GDP đã ở mức cao gây sửng sốt. (Xem *Bảng 2*, dòng 1.) Việc này hiển nhiên gắn mật thiết với tỷ lệ tiết kiệm rất cao của Trung Quốc. Có vài sự tương tự đối với sự phân bổ và sử dụng này của thu nhập quốc gia trong lịch sử kinh tế thế giới. (Tôi sẽ quay lại vấn đề này.) Có lẽ trường hợp tương tự duy nhất đã là công nghiệp hóa Stalinist trong thời kỳ các kế hoạch năm-năm đầu tiên của chế độ Soviet. Không có nước phương Tây nào nơi dân cư đã chịu hay đã cam chịu để cho người ta hạn chế đến như vậy phần của nó trong tăng trưởng sản xuất.

Các đặc tính tăng trưởng kinh tế được liệt kê đã được tạo ra bởi những thay đổi thể chế mà đã diễn ra trong thời kỳ này. Những thứ này trong nhiều khía cạnh đã mâu thuẫn. Đã xuất hiện các định chế *kinh tế* cần thiết cho hoạt động của một nền kinh tế thị trường dựa trên sở hữu tư nhân. Các định chế này đảm bảo hai phần ba (nhưng không hoàn toàn hay nhất quán) sự bảo vệ tài sản tư và sự ép thực thi hợp đồng tư. Mặt khác, đã vẫn còn một khu vực có trọng lượng lớn và có ảnh hưởng thuộc sở hữu nhà nước. Số đông các doanh nghiệp nhà nước được duy trì một cách nhân tạo bởi các khoản bao cấp nhà nước, các khoản vay rẻ từ ngân hàng, và bởi các công cụ khác của triệu chứng “ràng buộc ngân sách mềm,” bất chấp những tổn thất thương mại nghiêm trọng.

Bảng 2. Sử dụng GDP ở Trung Quốc trong thời kỳ 1974-2012 (%)

	1974	1975	1976	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng tích lũy tài sản (Gross capital Formation)	40,9	42,1	39,9	42,0	42,4	46,3	46,9	47,1	47,4
Tiêu dùng hộ gia đình (household consumption)	54,8	52,4	55,2	36,7	36,3	36,5	35,8	36,1	36,3

Ghi chú: Số liệu GDP từ điểm xuất phát tính toán trùng với số liệu mà dựa trên đó các chỉ số được thấy ở Bảng 1 đã được tính toán.

Nguồn: UN National Accounts Main Aggregates database.

<http://unstats.un.org/unsd/snaama/dnIList.asp>. Truy cập: 12-8-2014.

Với các định chế *chính trị*, các cải cách đã không xóa bỏ hệ thống một đảng, sự độc quyền chính trị của đảng cộng sản. Hình thức chính quyền vẫn là chế độ độc tài, nhưng tính dã man tàn bạo của thời Mao đã bớt đi một chút. Phạm vi lớn hơn đã được trao cho sự tranh luận, và ý thức hệ chính thức của đảng đã được áp đặt nhẹ hơn lên giáo dục và hoạt động trí tuệ. Thành phần của đảng đã thay đổi dần dần từ thành phần của đảng cộng sản Stalinist/Maoist. Bên trong nó có sự cấu kết ngày càng tăng giữa các lãnh đạo chính trị và các nhóm xã hội của các chủ tư bản mới và các nhà quản lý kỹ trị.

3. Con đường phát triển của Trung Quốc – giai đoạn giảm tốc

Sản xuất ở Trung Quốc đã tăng trong thời gian dài với nhịp độ kỷ lục, nhưng đã tỏ ra rằng tốc độ dễ gây nguy hiểm này không thể duy trì được mãi. Ngó vào *Bảng 3*, GDP đã tăng 15% trong năm 1984, rồi sau sự chậm đi đáng kể trong năm 2007 tốc độ tăng trưởng đã lại nhảy lên mức rất cao, 14%.

Sau đó đã có một xu hướng giảm tốc rõ rệt. Đã có hai năm mà trong đó tốc độ tăng trưởng kỷ lục 1984 đã bị giảm một nửa.

Sự kiện quan trọng nhất trong giai đoạn kể từ khi cải cách bắt đầu, đã xuất hiện không phải trong lĩnh vực kinh tế, mà trong lĩnh vực chính trị. Tác động của sự nổi loạn áp bức trong các năm 1980 đã không gây ra sự thỏa mãn hay cảm nhận biết ơn với các ông chủ quyền lực, mà đã đánh thức khát vọng tự do. Các phong trào phản kháng rải rác đã mạnh lên, và cuối cùng đã dẫn đến các cuộc phản kháng quần chúng khổng lồ năm 1989, khi Quảng trường Thiên An Môn ở trung tâm thủ đô bị chiếm trong nhiều ngày bởi các sinh viên và các công dân khác đòi các quyền con người, tự do, và sự chấm dứt tham nhũng. Theo lệnh của Đặng Tiểu Bình bằng các lực lượng quân sự người ta đã đè bẹp một cách tàn bạo và đẫm máu sự bất tuân dân sự này. Sau đó đến các cuộc trả thù và chế độ độc tài đã lại trở nên cứng rắn, tuy chế độ đã chưa bao giờ quay lại sự tàn bạo điên rồ của thời Mao.

Là khó để làm rõ liệu có một liên kết nhân quả trực tiếp giữa tình tiết Quảng trường Thiên An Môn, mà đã bắt đầu hăng hái đến vậy và đã kết thúc đẫm máu đến vậy, và sự chậm đều đặn của sự tăng trưởng kinh tế hay không. Một sự giải thích đủ của hiện tượng sau có thể thấy trong sự thay đổi của các điều kiện kinh tế.

Về mặt lý thuyết sự tăng trưởng trong các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa chia thành hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu tiên, phát triển *theo chiều rộng*, có sẵn dư dả sức lao động tự do, và với sức lao động này nhà nước cung cấp vốn tư bản cần thiết cho sự

tăng sản xuất. Sản xuất tăng chủ yếu bằng cách kết hợp ngày càng nhiều vốn tư bản với lượng lao động ngày càng tăng, nhưng việc này không thể tiếp tục mãi mãi. Sự tăng trưởng ngày càng vấp phải những nút cổ chai: không có lao động có trình độ phù hợp và/hoặc các nguồn lực đầu tư có thể tiếp cận ở những chỗ mong muốn. Tăng trưởng dần dần chuyển sang pha *theo chiều sâu*, mà tại đó tăng trưởng sản xuất có thể đạt được chủ yếu (muộn hơn có lẽ chỉ riêng) bằng sự tăng năng suất. Trong pha theo chiều sâu tăng trưởng nhất thiết chậm hơn pha theo chiều rộng.

Bảng 3. *Sử dụng GDP ở Trung Quốc trong thời kỳ 1974-2012 (%)*

	1984	1985	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993
Tốc độ tăng trưởng GDP	15,2	13,5	8,8	11,6	11,3	4,1	3,8	9,2	14,2	14,0
Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp	12,9	1,8	3,3	4,7	2,5	3,1	7,3	2,4	4,7	4,7
Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu	20,1	1,9	16,3	62,4	13,4	-2,1	18,0	17,9	22,4	3,7
	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Tốc độ tăng trưởng GDP	13,1	10,9	10,0	9,3	7,8	7,6	8,4	8,3	9,1	10,0
Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp	4,0	5,0	5,1	3,5	3,5	2,8	2,4	2,8	2,9	2,5
Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu	32,1	11,3	17,4	32,1	14,1	11,1	21,4	11,2	20,8	18,4
	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tốc độ tăng trưởng GDP	10,1	11,3	12,7	14,2	9,6	9,2	10,4	9,3	7,7	7,7
Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp	6,3	5,2	5,0	3,7	5,4	4,2	4,3	4,3	4,5	n.a.
Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu	18,5	18,2	18,5	17,4	4,9	-5,1	18,3	7,3	3,7	n.a.

Nguồn: 1984–2012: UN National Accounts Main Aggregates database <http://unstats.un.org/unsd/snaama/dnlList.asp>. (Truy cập 12-8- 2014) nguồn cho 2013 International Monetary Fund, World Economic Outlook Database, April 2014. http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2014/01/weodata/weorept.aspx?sy=2009&ey=2013&scsm=1&ssd=1&sort=country&ds=%2C&br=1&pr1.x=32&pr1.y=3&c=924%2C182%2C922%2C576%2C132%2C134%2C144%2C944%2C534%2C186%2C111&s=NGDP_RPCH&grp=0&a. (Truy cập: 12-8-2014)

Ghi chú: Các số trong bảng cho thấy hiệu của chỉ số giữa năm cho trước và năm trước đó như tỷ lệ của giá trị của năm trước, tức là tốc độ tăng trưởng theo phần trăm, n.a. là không có dữ liệu.

Không có những phép màu. Trung Quốc cũng trải qua một sự chuyển pha từ từ như vậy. Việc tăng năng suất phải có vai trò ngày càng lớn hơn, mà đưa ra nhiều đòi hỏi về chất lượng của vốn và lao động. Cần đến các khoản đầu tư thâm dụng vốn (và vì thế đắt tiền) trong lĩnh vực ngày càng rộng hơn. Sẽ cần đến sức lao động được đào tạo ngày càng nhiều, bên trong đó đến các lao động trí óc được đào tạo cao nữa, bởi vì thiếu họ thì không thể có phát triển kỹ thuật hay đổi mới. Người dân phải được trả lương tốt hơn. Đào tạo chuyên gia dính đến việc phát triển giáo dục và nghiên cứu. Cần các điều kiện sống tốt hơn. Cần chú ý nhiều hơn đến sức khỏe của lực lượng lao động. Việc thiết lập một nhà nước phúc lợi, chỉ ít ở mức khiêm tốn, không thể bị trì hoãn thêm nữa.

Hệ quả của tất cả những thứ này, lương phải tăng nhanh hơn, và trên lương là các khoản thuế và phí, để bao hàm các chi phí nhà nước phúc lợi tăng lên (về giáo dục, y tế, và hưu bổng). Một kết quả là, các hàng hóa Trung Quốc dành cho xuất khẩu sẽ đắt đỏ hơn và tính cạnh tranh của chúng sẽ giảm đi. Các năng lực xuất khẩu giảm đi, hoặc sự nhận ra rằng việc này sớm muộn sẽ xảy ra, làm tăng sự căm dỗ để hướng nội.

Dòng lập luận này cho đến đây được suy diễn ra từ các quy luật nội tại của nền kinh tế, tức là, sự thay đổi không thể tránh khỏi của tỷ lệ tiêu dùng đối với đầu tư. Thế

nhưng không chỉ các ràng buộc bên trong mà quá trình có tác động đến sự thay đổi, mà cả tiếng nói của người dân nữa. Những sự phản kháng chống lại những mối bất bình địa phương trở nên phổ biến hơn, các cuộc đình công xảy ra thường xuyên hơn. Nhiều phong trào nhỏ địa phương được bình định bằng các khoản đứt lót cho các nhà tổ chức hay bằng hành động cảnh sát. Tuy vậy, có áp lực có thể cảm nhận được từ dân cư đòi một phần lớn hơn trong những kết quả của tăng trưởng.

Giữa lúc “chạy hết tốc lực” ban lãnh đạo đất nước đã chẳng quan tâm đến sự hủy hoại môi trường. Các lời cảnh báo đã không còn giới hạn ở các nhà quan sát nước ngoài nữa. Hành động chống lại ô nhiễm không khí và các vấn đề môi trường khác đã trở thành không thể lẩn tránh được. Việc này rút thêm nguồn lực khỏi đầu tư mà có thể đóng góp ngay và trực tiếp cho tăng trưởng GDP.

Trung Quốc có một nền kinh tế vững chãi nhưng các vết nứt đang xuất hiện trong cấu trúc khổng lồ của nó. Việc giải cứu các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ chiếm những khoản chi lớn của ngân sách quốc gia. Những khoản nợ nần chồng chất đè nặng phần đáng kể của các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức không thuộc chính phủ. Khu vực ngân hàng hoạt động tồi, bị các khoản nợ xấu và nợ khó đòi đè nặng.

Người ta đã thử kiềm sự chậm lại hoặc thậm chí quay lại sự tăng tốc bằng cách tăng tỷ lệ đầu tư trong sử dụng GDP, mà đã tăng lên 47% trong năm 2012. Đây là một kỷ lục trong lịch sử kinh tế thế giới! Một trong mỗi hai đơn vị được tạo ra của sản xuất (được đo bằng giá trị) được người ta mang đi đầu tư. Phù hợp với việc này tỷ lệ tiêu dùng hộ gia đình cũng đã đạt mức thấp kỷ lục thế giới: chỉ còn 36%. Đã chẳng bao giờ các hộ gia đình lại tiêu dùng ít như vậy (chỉ một phần ba GDP được tạo ra,) (Xem *Bảng 2*.) Đây là một mâu thuẫn nội tại nghiêm trọng của nền kinh tế Trung Quốc, mà là một nhân tố gây ra sự chậm lại, như thế sự căng thẳng không những không giảm đi mà còn tăng lên.

Căng thẳng có thể cảm nhận được trong tâm trạng của công chúng. Mặc dù một kết quả may mắn của sự tăng trưởng khổng lồ là việc cứu hàng trăm triệu người khỏi cảnh nghèo xơ xác, gần nạn đói, nó cũng đã gây ra những sự bất bình đẳng thu nhập khổng lồ giữa tầng lớp trên cùng giàu nứt đố đổ vách và hàng trăm triệu người rất nghèo.

Một cách đáp lại của nhà nước đối với sự bất mãn đã là “trở nên cứng rắn:” tăng nhanh các biện pháp đàn áp (sự tàn bạo cảnh sát, sự hăm dọa với những sự kết án thô bạo), có thể cảm nhận thấy đặc biệt trong một hai năm vừa qua. Cách khác là đánh lạc hướng nhân dân bằng kích động chủ nghĩa dân tộc Trung Hoa.

4. Tương lai của Trung Quốc?

Ai có thể nói chắc về tương lai? Không thể loại trừ khả năng ban lãnh đạo tiến hành những hiệu chỉnh mà “xả hơi” khỏi nồi hơi đang dần dần sắp nổ. Lương thực tế được tăng, từng bước xây dựng các định chế của một nhà nước phúc lợi, chỉ ít đến mức phù hợp với sự phát triển của Trung Quốc. Bình thần ghi nhận rằng việc này tiếp tục có thể làm chậm sự tăng trưởng.

Với những thay đổi kể trên, cũng như làm giảm những căng thẳng xã hội bằng các biện pháp làm giảm sự bất bình đẳng thu nhập, phân phối lại các gánh nặng đóng góp ngân sách và các dịch vụ nhà nước.

Việc này sẽ cho phép giảm bớt sự đàn áp. Tất cả những thay đổi này sớm muộn có thể dẫn đến dân chủ hóa các định chế chính trị.

Nhiều người muốn thấy Trung Quốc đi con đường này – không chỉ hầu hết các chính trị gia nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài về Trung Quốc, mà cả đối lập dân chủ trong nước đối với hệ thống Trung Quốc hiện thời: những người được khai minh như những nhà giáo và sinh viên, nhà văn, nghệ sĩ, nhà báo, và quan chức đảng

một thời hay thậm chí cả hiện thời.

Tất nhiên, các sự kiện có thể đi theo cách khác. Các lãnh đạo có thể thử vắt sự tăng trưởng nhanh từ nền kinh tế bằng cắt giảm lương và chi tiêu phúc lợi. Những căng thẳng và sự phản kháng có thể vấp phải sự trả đũa mạnh hơn. Nếu tình hình trở nên xấu đi đến mức, theo những người nắm quyền, cần đến việc “quốc gia đứng vào hàng ngũ,” họ có thể lao vào kích động chủ nghĩa dân tộc hoặc thậm chí thử một cuộc phiêu lưu quân sự.

Chúng ta không biết, thể lương nan hướng ngoại hay hướng nội sẽ được giải quyết ra sao. Nếu hướng sau áp đảo, thì có thể đi cùng với các mối quan hệ với phương Tây bị lung lay. Bên cạnh nhiều hệ quả kinh tế, việc này cũng có thể kìm hãm nhịp độ năng động của tiến bộ kỹ thuật của Trung Quốc.

Những hệ quả kinh tế là không thể tiên đoán được. Tuy nhiên chắc chắn có thể dự đoán được ngân này: chính sách “cứng rắn” không thể tạo ra sự quay lại kéo dài của các tỷ lệ tăng trưởng 15% gây sừng sốt của thời kỳ đầu tiên. Cũng chẳng chắc chắn rằng tốc độ tăng trưởng hiện tại 7-8% sẽ ổn định trong thời gian dài và khiến cho sự chậm thêm dừng lại.

5. Hungary có thể theo tấm gương Trung Quốc?

Nếu tôi phải trả lời bằng một từ duy nhất, câu trả lời của tôi: *không!* Thế nhưng tôi muốn nói nhiều hơn vậy. Tôi đã phác họa các đặc tính của sự tăng trưởng Trung Quốc chính để tôi có thể lý giải câu trả lời phủ định của mình chi tiết hơn một chút.

Con đường phát triển tương lai của một nước không thể được vạch ra một cách tùy ý. Lịch sử không đặt trước “ý muốn trung ương” một thực đơn với các món khác nhau: Singapore và Thụy Sĩ, Trung Quốc và Nhật Bản, Hoa Kỳ và Nigeria, Thụy Điển và Bắc Triều Tiên, vân vân và nói: “Chúng đây, hãy chọn món ngài muốn.” Tình trạng hiện thời của một nước, ngoài ra con đường lịch sử mà nước đó đã đi qua đến trạng thái hôm nay, thu hẹp đáng kể tập hợp các con đường mà nó có thể theo, tuy vậy con đường tương lai cũng chẳng là tất định. Vẫn còn có quyền tự do lựa chọn đáng kể cho các nhà hoạch định, với trách nhiệm lịch sử đi cùng.

Hãy so sánh các đặc điểm của Trung Quốc và Hungary từ quan điểm này:

- Trung Quốc là một nước khổng lồ. Nhiều tỉnh của nó giáp với biển. Có nhiều loại vùng khí hậu trên lãnh thổ của nó, mà làm cho việc sản xuất nhiều loại sản phẩm nông nghiệp trong nước là có thể. Nó giàu về tài nguyên thiên nhiên. Tạm thời hãy bỏ sang một bên vấn đề liệu chính sách hướng nội được tăng cường có đáng mong muốn cho Trung Quốc hay không, chắc chắn đúng là nó *có khả năng* làm vậy ở mức độ lớn. Ngược lại Hungary bị đất liền bao quanh, nghèo về tài nguyên thiên nhiên, *không thể có khả năng* cô lập mình theo cách đó. Điều kiện tự nhiên và địa lý buộc nó phải mở.

- Tỷ lệ đầu tư của Hungary là khoảng một phần ba của tỷ lệ của Trung Quốc, và nó không thể tăng lên mức của Trung Quốc cho dù chính phủ có muốn vậy. Vì việc đó phụ thuộc chỉ một phần vào ý chí của chính phủ. Nó phụ thuộc phần lớn vào các công dân, các cá nhân, các hộ gia đình, các gia đình, các hãng tư nhân, và chỉ ít một phần vào các cơ quan tự quản và các cộng đồng nhỏ hơn. Nhà nước có thể thử tác động đến các quyết định của họ với rhetoric (lời nói hoa mỹ) và những khuyến khích vật chất, nhưng một quá trình được phi tập trung hóa như vậy không hoạt động theo lệnh nhà nước. Nó phụ thuộc vào những người ra quyết định riêng biệt, những người tiết kiệm và đầu tư, vào việc họ tin đến mức nào vào tương lai và vào sự an toàn của các khoản đầu tư và của cải của họ.

- Năng lực cạnh tranh của Hungary không được cải thiện. Liệu có thể cải thiện nó một cách triệt để bằng cách đẩy lương Hungary xuống mức Trung Quốc? Có phải giảm chi tiêu nhà nước về y tế, giáo dục và hưu bổng (theo phần trăm, trên đầu người) xuống mức tương tự? Ở đây tôi không hỏi liệu có đáng mong mỏi theo hệ thống giá trị nào đó hay

không. Tôi chỉ nói về tính khả thi. Liệu *có thể* để theo tấm gương của Trung Quốc? Chúng ta có thể nói dứt khoát: không.

- Một tiêu chuẩn quan trọng là cái gọi là tính kinh tế theo quy mô. Hungary có dân số của một thành phố lớn nào đó của Trung Quốc. Trung Quốc có một thị trường nội địa của 1,5 tỷ, tạo ra quy mô khổng lồ về tiết kiệm và tính sinh lời cho các nhà đầu tư cả Trung Quốc lẫn nước ngoài. Quy mô đó không sẵn có cho ý muốn trung ương Hungary.

6. Tóm tắt phân tích thực chứng

Đoạn trích từ bài phát biểu ở Tusnádfürdő (Băile Tușnad) không trình bày một mối quan hệ nhân quả trực tiếp, nó chỉ nói rằng có thể quan sát thấy đồng thời hai loại hiện tượng: một mặt là thành tích kinh tế “ngôi sao” (hãy hiểu là tăng trưởng GDP nhanh) và mặt khác là hình thức cai trị phi dân chủ, độc đoán/độc tài. Tuy vậy, nhắc đến chúng cùng nhau có gây ra ấn tượng về tính nhân quả, chỉ ít theo nghĩa hẹp hơn của chế độ độc đoán/độc tài là điều kiện cần cho sự tăng trưởng như vậy. Diễn đạt một cách chính xác, mối quan hệ được giả thiết là:

chế độ độc đoán/độc tài → tăng trưởng nhanh.

Tuy nhiên, khẳng định này không đứng vững. Nó không đứng dưới bất cứ điều kiện nào. Tôi thậm chí không thử đưa ra một sự bác bỏ tổng quát trong thảo luận này; sự hạn chế độ dài của bài báo là lý do đủ để cản tôi làm vậy. Tôi không thử bác bỏ với các thí dụ thực từ cả năm nước được nhắc đến trong bài phát biểu. Tuy vậy, tôi hy vọng qua thí dụ của Trung Quốc tôi có thể chứng minh: các mối quan hệ nhân quả là phức tạp hơn khẳng định nêu trên rất nhiều. Một mặt, bên “nguyên nhân” của mối quan hệ phải chú ý đến không chỉ một hoặc hai mà nhiều nhân tố giải thích. Mặt khác, bên “hệ quả” phải tính đến không chỉ một hiện tượng (tốc độ tăng trưởng GDP cao), mà nhiều thứ, bắt đầu từ sự tiến triển đời sống của dân cư, qua phân phối thu nhập đến sự hủy hoại môi trường.³ Hai bên có sự tương tác với nhau, tức là ảnh hưởng lẫn nhau. Sự đàn áp, sự vi phạm các quyền con người, có thể được đặt ở bên “nguyên nhân” (vì bên trong hệ thống thể chế cho trước người ta dùng nó như công cụ để kiểm chế những người bất bình), nhưng nó cũng thuộc về bên “hệ quả” nữa, bởi vì nó là sản phẩm phụ cay đắng của sự tăng tốc cường bức của sự tăng trưởng.

Hãy để tôi cũng nhấn mạnh rằng là không đủ để khảo sát mối quan hệ giữa hệ thống thể chế chính trị và kinh tế và sự tăng trưởng chỉ trong một thời điểm cho trước. Phải có sự hiểu biết về động học của các quá trình: cái nào, khi nào tăng tốc và chậm lại, và vì sao.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển từ phân tích *thực chứng* (“có cái gì?”, “vì sao có cái đang có?”) sang phân tích *chuẩn tắc* (“nên có cái gì?”)!

7. Có đáng cho Hungary để theo gương Trung Quốc?

Tạm thời hãy để sang một bên một trong những kết luận của dòng tư duy trước – tức là Hungary *không thể* theo tấm gương Trung Quốc. Dù là không thể theo toàn bộ, theo tất cả các đặc điểm chính, vẫn có thể có nhiều đặc điểm bộ phận của nó mà chúng ta có thể theo.

Tôi không muốn né tránh câu hỏi. Câu hỏi này không phải là vấn đề không mang giá trị, vấn đề “thuần túy kinh tế.” Câu trả lời phụ thuộc vào hệ thống giá trị của người trả lời. Những người tin chắc vào dân chủ (như tôi) sẽ trả lời câu hỏi trong tiêu đề phụ

³ Các nhà kinh tế và các nhà thống kê kinh tế đã nhấn mạnh trong hàng thập kỷ rằng chúng ta chỉ có được một bức tranh bị bóp méo, dẫn đến lầm lạc về sự phát triển kinh tế nếu tập trung vào chỉ số duy nhất của tốc độ tăng trưởng GDP.

với câu trả lời dứt khoát là không. Đối với họ dân chủ – và sự tôn trọng các quyền con người và sự an toàn pháp lý không thể tách rời khỏi nó – không chỉ là một trong nhiều giá trị, mà chúng ta quản lý. Có, thì tốt, nhưng nếu cần, chúng ta có thể bình thân hy sinh, chí ít một phần, để có được các giá trị khác, thí dụ được sự tăng trưởng nhanh hơn hoặc sự sung túc vật chất lớn hơn.

Hãy dịch lời phát biểu trên ra ngôn ngữ lý thuyết kinh tế. Một số người nói về sự đánh đổi giữa dân chủ, các quyền con người, và sự an toàn pháp lý ở một bên và sự tăng trưởng và phúc lợi vật chất liên quan ở bên kia. Đối với họ là đáng để nhót vài kẻ hung hăng lại hoặc nếu không thể tránh khỏi cần bắn vào các đám đông biểu tình, nếu việc đó mở đường cho việc tăng tốc độ tăng trưởng lên một hay hai điểm phần trăm. Ở đây bằng tiếng lóng của các nhà kinh tế, nhưng thực ra bằng lời thẳng thắn tôi đã diễn đạt ý tưởng về sự tăng trưởng của Trung Quốc trong tâm trí của nhiều người: “Đúng, ở Trung Quốc không có dân chủ, người ta liên tục vi phạm các quyền con người, thế nhưng việc này, dù không tốt, nhưng là cái giá đáng trả bây giờ và trong tương lai vì một tốc độ tăng trưởng sản xuất chóng mặt mà cuối cùng sẽ nâng nhiều người khỏi cảnh bần hàn và cải thiện phúc lợi vật chất của dân cư.”

Sự đánh đổi đó là không thể chấp nhận được đối với những người tận tâm tin vào dân chủ. Dân chủ, sự tôn trọng các quyền con người và sự an toàn pháp lý không thể bị hy sinh trên bàn thờ của các giá trị khác.⁴ Ở trên tôi đã bác bỏ công thức “chế độ độc đoán/độc tài → tăng trưởng nhanh” trong khung khổ của một phân tích thực chứng, vì nó không giải thích sự tăng trưởng của Trung Quốc một cách thỏa đáng. Bây giờ tôi sẽ quay sang chống lại nó lần nữa, lần này trong một phân tích chuẩn tắc, bởi vì trong thang giá trị của tôi dân chủ không được phép bị bỏ rơi cho dù kết quả là để đẩy nhanh sự tăng trưởng.

Dòng tư duy của tôi sẽ nêu ra nhiều câu hỏi trong tâm trí Bạn đọc, ít nhất chẳng kém số câu hỏi mà nó đã thử trả lời. Liệu có con đường phát triển mà trong đó hình thức cai trị là nền dân chủ khai phóng (liberal democracy) và có thể đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và với nó sự tăng phúc lợi vật chất, hay không? Hungary có thể đi theo con đường này? Nếu giả như tôi thử trả lời các câu hỏi này thì tôi sẽ vượt quá xa độ dài tối đa các biên tập viên đã cho phép tôi, mà tôi đã vượt quá mất rồi.

8. Có ý nghĩa không đi tranh luận việc này?

Không chắc. Tại một hội nghị khoa học, một diễn giả bày tỏ một quan điểm dựa trên cơ sở dữ liệu và các luận cứ logic, và diễn giả khác tranh luận với ông/bà đó bằng các công cụ của *lập luận duy lý*. Nhưng bài phát biểu Tusnádfürdő đã không được trình bày tại một hội nghị khoa học.

Tôi không phải là một học giả thấp ngà ngây thơ. Tôi có kinh nghiệm sống và đọc rất nhiều về lý thuyết quyết định duy lý và tâm lý học hoạt động chính trị. Bằng lập luận duy lý không thể thuyết phục được những kẻ cuồng tín. Về các vấn đề cơ bản một chính trị gia không lựa chọn sau khi cân nhắc kỹ các lời khuyên khả dĩ khác nhau, mà đi tìm vị cổ vấn đề ủng hộ (minh họa) một lập trường được gợi ý trước bởi chính niềm tin chắc của mình, vị cổ vấn mà sẵn sàng đưa ra lời khuyên làm vui lòng mình và ủng hộ lập

⁴ Lập trường trên có thể được mô tả trong ngôn ngữ lý thuyết quyết định, sử dụng ngôi số nhiều, như sau. Trong phán xử ra quyết định chúng ta được chỉ dẫn bởi sự sắp xếp sở thích theo “từ điển”. Tiêu chuẩn số 1: chúng ta thích dân chủ hơn phi dân chủ hoặc mọi biến thể của chế độ chuyên chế. Chỉ khi tiêu chuẩn này được thỏa mãn thì mới có thể đến (tiêu chuẩn) số 2, số 3 và vân vân. Tất nhiên, chúng ta cũng thích tăng trưởng nhanh hơn tăng trưởng chậm, phân chia thu nhập công bằng hơn so với phân chia ít công bằng hơn, nhưng chỉ sau khi tiêu chuẩn dân chủ được thỏa mãn. Trong sự diễn đạt nghiêm ngặt hơn cần sử dụng cách tiếp cận động: chúng ta thích các quá trình mà thúc đẩy sự xây dựng nền dân chủ hơn các quá trình thúc đẩy sự xây dựng chế độ độc đoán/độc tài. Tất nhiên, việc trình bày đầy đủ dòng tư duy này không hợp với chú thích của một bài báo.

trường đã được hình thành. Bằng sức mạnh tư duy không thể thắng các cuộc bầu cử, cũng chẳng giành được quyền lực.

Thế nhưng, có lẽ có ý nghĩa trong những thảo luận như vậy, như có thể đọc được trong bài báo này. Tất cả việc này có lẽ có thể giúp gì đó cho Bạn đọc có đầu óc cởi mở với lập luận duy lý trong việc dò đường của mình qua các mối tương tác phức tạp giữa hình thức cai trị và sự tăng trưởng kinh tế.